

Số: 137 /KH-UBND

Quảng Ninh, ngày 15 tháng 7 năm 2021

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ Về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19; Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 và Quyết định số 2313/QĐ-UBND ngày 14/7/2021 của UBND tỉnh Về việc ủy quyền quyết định hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Theo đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại công văn số 2342/LĐT BXH-LĐVL ngày 13/7/2021; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Thực hiện kịp thời các chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Hỗ trợ cho người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, góp phần phục hồi sản xuất, kinh doanh, giảm thiểu những tác động tiêu cực của đại dịch COVID-19, ổn định sản xuất, kinh doanh, đảm bảo đời sống và an toàn cho người lao động.

2. Yêu cầu

- Bảo đảm hỗ trợ kịp thời, đúng đối tượng, công khai, minh bạch, không để lợi dụng, trục lợi chính sách.

- Huy động sự tham gia của toàn bộ hệ thống chính trị; các cấp, các ngành triển khai với nỗ lực và quyết tâm cao nhất.

- Phân công trách nhiệm cụ thể cho các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố, thị xã; UBND các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg; đảm bảo đúng quy trình, thủ tục quy định; đảm bảo sự đồng bộ, tính hiệu quả, sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, các địa phương trong quá trình thực hiện.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Giảm mức đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (Quy định tại điểm 1, Mục II, Nghị quyết số 68/NQ-CP): Theo quy định tại Chương I, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

2. Hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất (Quy định tại điểm 2, Mục II, Nghị quyết số 68/NQ-CP): Theo quy định tại Chương II, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg và khoản 1, Mục I Công văn số 1988/BHXH-TST ngày 08/7/2021 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

3. Hỗ trợ người sử dụng lao động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động (Quy định điểm 3, Mục II, Nghị quyết số 68/NQ-CP).

3.1. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ: Theo quy định tại Điều 9 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

3.2. Mức, thời gian hỗ trợ và phương thức chi trả: Theo quy định tại Điều 10 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

3.3. Hồ sơ đề nghị: Theo quy định tại Điều 11 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

3.4. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền thực hiện và tổ chức chi trả:

a) Người sử dụng lao động có nhu cầu hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động đề nghị cơ quan bảo hiểm xã hội nơi đang tham gia bảo hiểm xã hội xác nhận về việc đóng đủ bảo hiểm thất nghiệp theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg. Cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của người sử dụng lao động.

b) Người sử dụng lao động nộp hồ sơ theo quy định tại Điều 11 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

c) Trong 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của người sử dụng lao động theo quy định, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét, quyết định việc hỗ trợ theo Mẫu số 04a tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg. Quyết định hỗ trợ gửi bản giấy và bản điện tử theo quy định đến: Cơ quan bảo hiểm xã hội tỉnh để thực hiện chuyển kinh phí hỗ trợ, người sử dụng lao động để thực hiện, cơ sở thực hiện việc đào tạo. Trường hợp không hỗ trợ thì Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

d) Trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định hỗ trợ của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, cơ quan bảo hiểm xã hội tỉnh chuyển một lần toàn bộ kinh phí hỗ trợ cho người sử dụng lao động.

đ) Trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kinh phí hỗ trợ, người sử dụng lao động thực hiện việc chuyển kinh phí cho cơ sở thực hiện việc đào tạo theo phương án đã được phê duyệt.

e) Trong 45 ngày kể từ ngày kết thúc việc đào tạo, người sử dụng lao động phải hoàn thành việc thanh quyết toán kinh phí với cơ sở thực hiện việc đào tạo theo thực tế và báo cáo kết quả thực hiện về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. Trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thực hiện của người sử dụng lao động, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành quyết định thu hồi kinh phí đào tạo

còn dư (nếu có) gửi cơ quan bảo hiểm xã hội tỉnh và người sử dụng lao động để thực hiện hoàn trả kinh phí về Quỹ bảo hiểm thất nghiệp theo Mẫu số 04b tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

3.5. Tiến độ thực hiện: Hoàn thành xong trước ngày **28/02/2023**.

3.6. Cơ quan lưu hồ sơ: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

4. Hỗ trợ người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương (Quy định tại điểm 4, Mục II, Nghị quyết số 68/NQ-CP).

4.1. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ: Theo quy định tại Điều 13 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

4.2. Mức hỗ trợ và phương thức chi trả: Theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

4.3. Hồ sơ đề nghị: Theo quy định tại Điều 15 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

4.4. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền thực hiện và tổ chức chi trả:

a) Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở giáo dục, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp huyện quản lý (gọi tắt là đơn vị):

- Đơn vị có văn bản đề nghị cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận người lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội. Trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị, cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận việc tham gia bảo hiểm xã hội của người lao động.

- Đơn vị gửi hồ sơ theo quy định tại Điều 15 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg đến Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện nơi đặt trụ sở chính. Thời gian tiếp nhận hồ sơ chậm nhất đến hết ngày **31/01/2022**.

- Trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện chủ trì, phối hợp với các phòng, đơn vị liên quan cùng cấp thẩm định, trình UBND cấp huyện ban hành quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ. Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND cấp huyện xem xét, ban hành quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ; đồng thời gửi quyết định tới Phòng Tài chính - Kế hoạch (để cấp kinh phí cho đơn vị);

- Trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kinh phí, đơn vị thực hiện chi trả tiền hỗ trợ cho các đối tượng theo quy định. Sau 03 ngày hoàn thành việc chi trả (ngày làm việc) đơn vị gửi báo cáo kết quả thực hiện kèm danh sách chi trả cho các đối tượng tới Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo.

b) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập còn lại (gọi tắt là đơn vị):

- Đơn vị có văn bản đề nghị cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận người lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội. Trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị, cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận việc tham gia bảo hiểm xã hội của người lao động.

- Đơn vị gửi hồ sơ theo quy định tại Điều 15 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. Thời gian tiếp nhận hồ sơ chậm nhất đến hết ngày **31/01/2022**.

- Trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định, trình UBND tỉnh ban hành quyết định phê duyệt danh sách và

kinh phí hỗ trợ. Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND tỉnh xem xét, ban hành quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ.

- Trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kinh phí, đơn vị thực hiện chi trả tiền hỗ trợ cho các đối tượng theo quy định. Sau 03 ngày hoàn thành việc chi trả (ngày làm việc) đơn vị gửi báo cáo kết quả thực hiện kèm danh sách chi trả cho các đối tượng tới Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo.

4.5. Tiến độ thực hiện: Hoàn thành xong trước ngày **15/02/2022**.

4.6. Cơ quan lưu hồ sơ: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện thực hiện lưu hồ sơ hỗ trợ đối tượng quy định tại điểm a tiết 4.4 nêu trên; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện lưu hồ sơ hỗ trợ đối tượng quy định tại điểm b tiết 4.4 nêu trên.

5. Hỗ trợ người lao động ngừng việc (Quy định tại điểm 5, Mục II, Nghị quyết số 68/NQ-CP).

5.1. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ: Theo quy định tại Điều 17 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

5.2. Mức hỗ trợ và phương thức chi trả: Theo quy định tại Điều 18 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

5.3. Hồ sơ đề nghị: Theo quy định tại Điều 19 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

5.4. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền thực hiện và tổ chức chi trả: Theo quy định tại Điều 20 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg, cụ thể:

a) Người sử dụng lao động đề nghị cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận người lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội. Trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị, cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận việc tham gia bảo hiểm xã hội của người lao động.

b) Người sử dụng lao động gửi hồ sơ theo quy định tại Điều 19 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg đến Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện nơi đặt trụ sở chính. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ chậm nhất đến hết ngày **31/01/2022**. Trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện chủ trì, phối hợp với các phòng, đơn vị liên quan cùng cấp thẩm định, trình UBND cấp huyện ban hành quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ. Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

c) Trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, UBND cấp huyện ban hành quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ; đồng thời chỉ đạo thực hiện chi trả hỗ trợ.

d) Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội căn cứ quyết định của UBND cấp huyện chuyển kinh phí hỗ trợ cho người sử dụng lao động để thực hiện chi trả cho người lao động.

đ) Trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kinh phí hỗ trợ, người sử dụng lao động thực hiện chi trả cho người lao động.

5.5. Tiến độ thực hiện: Hoàn thành xong trước ngày **15/02/2022**.

5.6. Cơ quan lưu hồ sơ: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện.

6. Hỗ trợ người lao động chấm dứt hợp đồng lao động nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp (Quy định tại điểm 6, Mục II, Nghị quyết số 68/NQ-CP).

6.1. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ: Theo quy định tại Điều 21 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

6.2. Mức hỗ trợ và phương thức chi trả: Theo quy định tại Điều 22 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

6.3. Hồ sơ đề nghị: Theo quy định tại Điều 23 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

6.4. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền thực hiện và tổ chức chi trả:

a) Người lao động có nhu cầu hỗ trợ gửi hồ sơ đến Trung tâm Dịch vụ việc làm thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ chậm nhất đến hết ngày **31/01/2022**.

b) Trước ngày 05 và ngày 20 hằng tháng, Trung tâm Dịch vụ việc làm rà soát, tổng hợp danh sách người lao động đủ điều kiện hỗ trợ trình Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

c) Trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận danh sách, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ. Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

d) Trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND tỉnh xem xét, ban hành quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ.

e) Trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kinh phí, Trung tâm Dịch vụ việc làm thực hiện chi trả tiền hỗ trợ cho các đối tượng theo quy định.

6.5. Tiến độ thực hiện: Hoàn thành xong trước ngày **28/02/2022**.

6.6. Cơ quan lưu hồ sơ: Trung tâm Dịch vụ việc làm thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

7. Hỗ trợ đối với trẻ em và người đang điều trị COVID-19, cách ly y tế (Quy định tại điểm 7 và điểm 8, Mục II, Nghị quyết số 68/NQ-CP).

7.1. Đối tượng hỗ trợ: Theo quy định tại Điều 25 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

7.2. Mức, thời gian hỗ trợ: Theo quy định tại Điều 26 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

7.3. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ: Theo quy định tại Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 27 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

7.4. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền thực hiện và tổ chức chi trả:

a) Đối với trường hợp đang điều trị hoặc cách ly tại khu cách ly tập trung (trừ cách ly trong các cơ sở y tế công lập): Đơn vị giao quản lý khu cách ly tập trung căn cứ vào hồ sơ quy định tại khoản 1, 2 Điều 27 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg lập danh sách (theo Mẫu số 8a, 8b tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg) đối với các trường hợp F0, F1 đủ điều kiện hưởng chính sách gửi Phòng Y tế cấp huyện để thẩm định, tổng hợp trình UBND cấp huyện xem xét, phê duyệt. Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ, Phòng Y tế cấp huyện trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do cho cơ sở cách ly biết và thông báo cho đối tượng.

Trong 02 ngày làm việc, UBND cấp huyện ban hành quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ; đồng thời gửi quyết định tới Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp

huyện để cấp kinh phí cho Cơ sở quản lý khu cách ly hỗ trợ cho đối tượng; Cơ sở quản lý khu cách ly thực hiện chi trả tiền hỗ trợ cho đối tượng.

Thời hạn tiếp nhận hồ sơ chậm nhất đến hết ngày **31/3/2022**.

b) Đối với trường hợp đang điều trị hoặc cách ly tại cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh: Cơ sở y tế căn cứ vào hồ sơ quy định tại khoản 1, 2 Điều 27 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg lập danh sách (theo Mẫu số 8a, 8b tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg) đối với các trường hợp F0, F1 đủ điều kiện hưởng chính sách gửi Sở Y tế để thẩm định, tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt. Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ, Sở Y tế trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do cho cơ sở y tế có người điều trị hoặc cách ly biết để thông báo cho đối tượng.

Trong 02 ngày làm việc, UBND tỉnh ban hành quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ.

Thời hạn tiếp nhận hồ sơ chậm nhất đến hết ngày **31/3/2022**.

c) Đối với trường hợp F0, F1 đã kết thúc điều trị, hoàn thành cách ly tại cơ sở hoặc cách ly tại nhà: Cha, mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp của trẻ em, người điều trị (F0), người cách ly (F1) gửi hồ sơ quy định tại khoản 3, 4 Điều 27 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg tới UBND cấp xã nơi cư trú. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ chậm nhất đến hết ngày **31/01/2022**.

Trước ngày 05 và ngày 20 hàng tháng, UBND cấp xã tổng hợp, lập danh sách (Mẫu số 8a, 8b tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg) đối với các trường hợp F0, F1 đủ điều kiện hưởng chính sách, gửi Phòng Y tế cấp huyện.

Trong 02 ngày làm việc, Phòng Y tế cấp huyện tổng hợp, trình UBND cấp huyện xem xét, quyết định. Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ, phòng Y tế trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do cho UBND cấp xã và đối tượng biết.

Trong 02 ngày làm việc, UBND cấp huyện ban hành quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ; đồng thời gửi quyết định tới Phòng Tài chính - Kế hoạch để cấp kinh phí cho UBND cấp xã để chi trả tiền hỗ trợ cho đối tượng.

d) Cơ sở y tế, cơ sở quản lý khu cách ly y tế tập trung, UBND cấp xã có trách nhiệm chi trả đầy đủ các chế độ hỗ trợ đối với F0, F1, trẻ em đang điều trị, cách ly theo danh sách được UBND tỉnh, UBND cấp huyện phê duyệt (Mẫu 8c tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg) chậm nhất sau 05 ngày kể từ ngày nhận được kinh phí.

7.5. Tiến độ thực hiện: Đối tượng quy định tại tiết a, b điểm 7.4 nêu trên hoàn thành xong trước ngày **15/4/2022**; Đối tượng quy định tại tiết c, điểm 7.4 nêu trên hoàn thành xong trước ngày **15/02/2022**.

7.6. Cơ quan lưu hồ sơ: Sở Y tế; Phòng Y tế cấp huyện; UBND cấp xã.

8. Hỗ trợ viên chức hoạt động nghệ thuật (Quy định tại điểm 9, Mục II, Nghị quyết số 68/NQ-CP): Thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

8.1. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ: Theo quy định tại Điều 28 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

8.2. Mức hỗ trợ và phương thức chi trả: Theo quy định tại Điều 29 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

8.3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục, thẩm quyền thực hiện và tổ chức chi trả:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật (bao gồm cả đơn vị trực thuộc cơ quan trung ương trên địa bàn tỉnh) lập Danh sách viên chức hoạt động nghệ thuật bảo đảm điều kiện theo quy định tại Điều 28 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg (Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg) gửi Sở Văn hóa và Thể thao. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ chậm nhất đến hết ngày **31/01/2022**.

b) Trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Danh sách theo đề nghị của đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật, Sở Văn hóa và Thể thao tổng hợp, thẩm định, trình UBND tỉnh. Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ, Sở Văn hóa và Thể thao trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do cho đối tượng biết.

c) Trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND tỉnh xem xét, ban hành quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ.

d) Trong 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kinh phí, Sở Văn hóa và Thể thao thực hiện chi trả tiền hỗ trợ cho các đối tượng theo quy định.

8.4. Tiến độ thực hiện: Hoàn thành xong trước ngày **15/02/2022**.

8.5. Cơ quan lưu hồ sơ: Sở Văn hóa và Thể thao.

9. Hỗ trợ hướng dẫn viên du lịch (Quy định tại điểm 9, Mục II, Nghị quyết số 68/NQ-CP): Thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

9.1. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ: Theo quy định tại Điều 31 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

9.2. Mức hỗ trợ và phương thức chi trả: Theo quy định tại Điều 32 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

9.3. Hồ sơ đề nghị: Theo quy định tại Điều 33 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

9.4. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền thực hiện và tổ chức chi trả:

a) Hướng dẫn viên du lịch có nhu cầu hỗ trợ gửi hồ sơ đề nghị đến Sở Du lịch nơi cấp thẻ cho hướng dẫn viên du lịch. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ chậm nhất đến hết ngày **31/01/2022**.

b) Trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hỗ trợ, Sở Du lịch thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ. Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ, Sở Du lịch thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho đối tượng biết.

c) Trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình của Du lịch, UBND tỉnh xem xét, ban hành quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ.

d) Trong 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kinh phí, Sở Du lịch thực hiện chi trả tiền hỗ trợ cho các đối tượng theo quy định.

9.5. Tiến độ thực hiện: Hoàn thành xong trước ngày **15/02/2022**.

9.6. Cơ quan lưu hồ sơ: Sở Du lịch.

10. Hỗ trợ hộ kinh doanh (Quy định tại điểm 10, Mục II, Nghị quyết số 68/NQ-CP).

10.1. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ: Theo quy định tại Điều 35 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

10.2. Mức hỗ trợ và phương thức chi trả: Theo quy định tại Điều 36 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

10.3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục, thẩm quyền thực hiện và tổ chức chỉ trả:

a) Hộ kinh doanh gửi đề nghị hỗ trợ theo Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg đến UBND cấp xã nơi có địa điểm kinh doanh. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ chậm nhất đến hết ngày 31/01/2022.

b) Trong 03 ngày làm việc, UBND cấp xã xác nhận về việc tạm ngừng kinh doanh của hộ kinh doanh; niêm yết công khai; tổng hợp, báo cáo gửi Chi cục Thuế.

c) Trong 02 ngày làm việc, Chi cục Thuế chủ trì, phối hợp với UBND cấp xã, Đội quản lý thị trường, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện thẩm định, gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện tổng hợp.

d) Trong 03 ngày làm việc, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện rà soát, tổng hợp, trình UBND cấp huyện ban hành quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ; đồng thời chỉ đạo thực hiện hỗ trợ. Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

10.4. Tiến độ thực hiện: Hoàn thành xong trước ngày 15/02/2022.

10.5. Cơ quan lưu hồ sơ: Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện.

11. Hỗ trợ người sử dụng lao động vay vốn để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất (Quy định tại điểm 11, Mục II, Nghị quyết số 68/NQ-CP):

Thực hiện theo quy định tại Chương X, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg và Công văn số 6199/HD-NHCS ngày 08/7/2021 của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam Hướng dẫn nghiệp vụ cho vay người sử dụng lao động để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Đối với chính sách hỗ trợ quy định tại khoản 3, Mục II Kế hoạch này do cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả từ nguồn Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

2. Đối với chính sách hỗ trợ quy định tại khoản 11, Mục II Kế hoạch này thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 41, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg (Ngân hàng chính sách xã hội hỗ trợ cho vay từ nguồn tái cấp vốn của Ngân hàng nhà nước).

3. Đối với chính sách hỗ trợ quy định tại các khoản 4,5,6,7,8,9 và 10, Mục II Kế hoạch này từ các nguồn:

- Kinh phí phòng, chống dịch COVID -19 theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 326/NQ-HĐND ngày 08/02/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số giải pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid-19 đảm bảo an sinh xã hội và ổn định tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

- Từ quỹ dự trữ tài chính ngân sách tỉnh (tối đa không quá 70%).

- Ngân sách trung ương hỗ trợ theo cơ chế quy định tại Nghị quyết số 68/NQ-CP.

IV. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Là cơ quan thường trực, chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan hướng dẫn triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch này.

- Tổ chức triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ cho các nhóm đối tượng quy định tại khoản 3, Mục II Kế hoạch này.

- Chịu trách nhiệm thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ cho nhóm đối tượng quy định tại điểm b, tiết 4.4, khoản 4, Mục II Kế hoạch này.

- Chịu trách nhiệm thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định phê duyệt danh sách, kinh phí hỗ trợ và thực hiện chi trả tiền hỗ trợ cho nhóm đối tượng quy định tại khoản 6, Mục II Kế hoạch này.

- Định kỳ trước ngày 20 hằng tháng, chủ trì tổng hợp, báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND tỉnh tình hình thực hiện các chính sách hỗ trợ cho các nhóm đối tượng theo Kế hoạch này; kịp thời hướng dẫn hoặc đề xuất UBND tỉnh và cấp có thẩm quyền các giải pháp để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

2. Sở Văn hoá và Thể thao

- Chịu trách nhiệm thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định phê duyệt danh sách, kinh phí hỗ trợ và thực hiện chi trả tiền hỗ trợ cho nhóm đối tượng quy định tại khoản 8, Mục II Kế hoạch này.

- Định kỳ trước ngày 18 hằng tháng, tổng hợp, báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ cho nhóm đối tượng trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Du lịch

- Chịu trách nhiệm thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định phê duyệt danh sách, kinh phí hỗ trợ và thực hiện chi trả tiền hỗ trợ cho nhóm đối tượng quy định tại khoản 9, Mục II Kế hoạch này.

- Định kỳ trước ngày 18 hằng tháng, tổng hợp, báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ cho nhóm đối tượng trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Y tế

- Chịu trách nhiệm thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định phê duyệt danh sách, kinh phí hỗ trợ và thực hiện chi trả tiền hỗ trợ cho nhóm đối tượng quy định tại điểm b, tiết 7.4, khoản 7, Mục II Kế hoạch này.

- Định kỳ trước ngày 18 hằng tháng, tổng hợp, báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ cho nhóm đối tượng trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Tài chính

- Tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện.

- Cấp kinh phí cho các cơ quan, đơn vị theo Quyết định của UBND tỉnh.

- Tham mưu UBND tỉnh hỗ trợ kinh phí cho các địa phương thực hiện chính sách (trường hợp nguồn kinh phí của địa phương không đủ để thực hiện chính sách theo phân cấp tại Nghị quyết số 326/NQ-HĐND ngày 08/02/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số giải pháp cấp bách phòng, chống dịch COVID-19 đảm bảo an sinh xã hội và ổn định tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh).

- Tham mưu UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo Bộ Tài chính cấp hỗ trợ kinh phí cho tỉnh theo cơ chế quy định tại Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ.

6. Cục Thuế tỉnh

Chỉ đạo cơ quan thuế địa phương cung cấp danh sách hộ kinh doanh trên địa bàn phải tạm dừng kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19; phối hợp với UBND cấp xã xác nhận về việc tạm ngừng kinh

doanh của hộ kinh doanh; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định, gửi Phòng Tài chính cấp huyện tổng hợp.

7. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh Quảng Ninh

Chỉ đạo, giám sát việc thực hiện của Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh tỉnh Quảng Ninh. Tiếp nhận, xử lý kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện gói hỗ trợ người sử dụng lao động vay vốn để trả lương ngừng việc và trả lương phục hồi sản xuất.

8. Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh tỉnh Quảng Ninh

Căn cứ quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam để hướng dẫn người sử dụng lao động các thủ tục, hồ sơ vay vốn và tổ chức thực hiện theo quy định tại khoản 11, Mục II Kế hoạch này.

Định kỳ trước ngày 18 hằng tháng, tổng hợp, báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ

9. Bảo hiểm xã hội tỉnh

- Căn cứ quy định của Bảo hiểm xã hội Việt Nam Chịu trách nhiệm tổ chức hướng dẫn, triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ cho nhóm đối tượng quy định tại khoản 1 và 2, Mục II Kế hoạch này.

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và xã hội triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ cho nhóm đối tượng quy định tại khoản 3, Mục II Kế hoạch này.

- Thực hiện xác nhận danh sách người lao động tham gia bảo hiểm xã hội thuộc nhóm đối tượng quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6 và 11 Mục II Kế hoạch này.

- Định kỳ trước ngày 18 hằng tháng, tổng hợp, báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ.

10. Sở Thông tin và Truyền thông

Hướng dẫn, đôn đốc cơ quan báo chí của tỉnh, các văn phòng đại diện, phóng viên thường trú của các báo Trung ương và địa phương khác trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo hệ thống thông tin cơ sở tuyên truyền, phổ biến các nội dung của Nghị quyết số 68/NQ-CP, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg và Kế hoạch này để người dân và toàn xã hội biết, thực hiện.

11. Công an tỉnh

Chỉ đạo tăng cường công tác bảo đảm an ninh, trật tự; phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan rà soát các trường hợp thuộc diện hỗ trợ khó khăn; chủ động nắm tình hình, tham mưu các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời các trường hợp có hành vi lợi dụng các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn để trục lợi, tham nhũng, tiêu cực.

12. Thanh tra tỉnh

Tăng cường thực hiện công tác thanh tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng trong quá trình tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật. Chỉ đạo cơ quan thanh tra các cấp tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát tổ chức thực hiện chính sách.

13. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh: Tích cực thông tin, tuyên truyền về các nội dung chính sách của Nghị quyết số 68/NQ-CP, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg và Kế hoạch này đến các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan để biết và thực hiện.

Tham gia triển khai thực hiện các nội dung Kế hoạch này trong phạm vi và nội dung, nhiệm vụ có liên quan đến lĩnh vực do sở, ban, ngành quản lý. Đồng thời chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc cơ sở triển khai thực hiện Kế hoạch này.

14. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Quán triệt, tuyên truyền sâu rộng đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị và nhân dân trên địa bàn về các chính sách hỗ trợ của Chính phủ.

- Chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ cho các nhóm đối tượng quy định tại điểm a tiết 4.4 khoản 4 và các khoản 5, 7 và 10, Mục II Kế hoạch này đảm bảo đúng đối tượng, tiến độ, công khai, minh bạch, không để xảy ra tình trạng lợi dụng, trục lợi chính sách.

- Chỉ đạo UBND cấp xã hướng dẫn, cung cấp mẫu đề nghị hỗ trợ cho các đối tượng, lập danh sách theo biểu mẫu quy định tại Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg. Thành lập tổ công tác gồm đại diện Chính quyền, Công an, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức thành viên để tổ chức triển khai và giám sát trong quá trình thực hiện.

- Định kỳ trước ngày 18 hằng tháng, tổng hợp, báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ cho các nhóm đối tượng trên địa bàn.

15. Đề nghị Khối Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức chính trị xã hội

- Tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, thông tin về các nội dung chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 68/NQ-CP, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg và Kế hoạch này để biết và thực hiện.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện giám sát việc hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động hưởng chính sách theo quy định tại Nghị quyết số 68/NQ-CP, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg và Kế hoạch này.

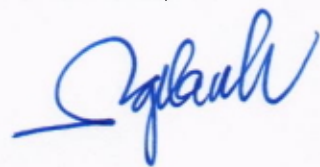
UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện nghiêm túc Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện, có khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) để tổng hợp, đề xuất phương án xử lý, giải quyết. *cccc*

Nơi nhận:

- Bộ Lao động - TB&XH;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh; } (báo cáo)
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, TX, TP;
- V0,1,2,3; các Chuyên viên NCTH;
- Lưu: VT, VX2.

03bản-KH17

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Hạnh